

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST

Ngày 14 – 5 - 2018

“ V/v xin ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm

2. Ông Huỳnh Minh Bền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 333/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018, về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phan Ngọc D, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm X, phường T, thành phố Y, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Ông Lâm Minh S, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm X, phường T, thành phố Y, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Phan Ngọc D trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Bà và ông Lâm Minh S chung sống với nhau vào năm 1995 không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng chung sống không hợp nhau, bất đồng về mọi mặt trong cuộc sống và đã ly thân nhau từ năm 2010 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Nay bà nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Minh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Thái N, sinh năm 1997, hiện con đã trưởng thành tự nuôi sống bản thân được nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, bà D xác định không có không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung, Bà D xác định không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

Ông Lâm Minh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, hợp lệ và ông có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Qua biên bản làm việc ngày 16/4/2018 thể hiện ý kiến của ông Lâm Minh S như sau:

Về hôn nhân: Ông và bà Phan Ngọc D chung sống với nhau vào năm 1995 không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng chung sống không hợp nhau, bất đồng về mọi mặt trong cuộc sống và đã ly thân nhau từ năm 2010 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Nay bà D xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Thái N, sinh năm 1997, hiện con đã trưởng thành tự nuôi sống bản thân được nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông S xác định tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông S xác định không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lâm Minh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại Điều 207 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Bà Phan Ngọc D và ông Lâm Minh S chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng bà D, ông S đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó hôn nhân của bà D và ông S đã vi phạm về mặt hình thức. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà D cho rằng do vợ chồng có mâu thuẫn với nhau, bất đồng về mọi mặt trong cuộc sống nên đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Mặc khác ông S đã biết việc bà D xin ly hôn nhưng không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, và có văn bản ghi ý kiến đồng ý đối với yêu cầu ly hôn của bà D. Hội đồng xét xử thấy rằng, do bà D với ông S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà D với ông S không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà D và ông S có 01 con chung tên Lâm Thái N, sinh năm 1997, hiện cháu N đã trưởng thành tự nuôi sống bản thân được nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

[6] Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí tòa án.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Ngọc D với ông Lâm Minh S là vợ chồng.

2/ Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, bà D phải chịu. Ngày 09/4/2018 bà D đã dự nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai thu tiền số 0000620 nên được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TỈNH Cà Mau;
- VKSND tp Y;
- Chi cục THADS tp.Y;
- HSVA;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Huyền Trân

